

Số: 4691/KH-UBND

Quảng Nam, ngày 25 tháng 6 năm 2024

KẾ HOẠCH

Tái cơ cấu ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 (gọi tắt là Quyết định số 165/QĐ-TTg); Quyết định số 1971/QĐ-BCT ngày 02/8/2023 của Bộ Công Thương về Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030; UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch tái cơ cấu ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030, với các nội dung cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quan điểm

Thực hiện nhất quán 05 quan điểm chỉ đạo được nêu tại Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 kèm theo Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai các nhiệm vụ kế hoạch tái cơ cấu phải đồng bộ với các Chương trình, Kế hoạch của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh.

2. Mục đích, yêu cầu

- Quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030.

- Chủ động, sáng tạo triển khai các nhiệm vụ nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của ngành Công Thương.

- Nghiên cứu, quán triệt, áp dụng đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước ngành công thương; Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng mô hình quản lý nhà nước năng động, hiệu quả, hiện đại, có tính thích ứng cao để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nhanh và bền vững

- Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch một cách đồng bộ và hiệu quả.

- Bảo đảm tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, hướng dẫn của Trung ương và phân cấp quản lý hiện hành.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tái cơ cấu ngành Công Thương nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành. Tạo lập các động lực tăng trưởng mới gắn với chuyển biến về chất mô hình tăng trưởng của ngành Công Thương cùng một mô hình quản trị nhà nước năng động, hiệu quả, hiện đại và có tính thích ứng cao để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững. Phấn đấu đến năm 2030 tỉnh Quảng Nam cơ bản đạt được các tiêu chí là tỉnh có cơ cấu nền công nghiệp hiện đại, vững mạnh với khả năng thích ứng, chống chịu cao.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu đến năm 2030 tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt: 28,7 %
- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng xuất khẩu luôn cao hơn nhập khẩu và tăng bình quân khoảng 15 - 16%/năm.
- Tốc độ tăng bình quân hàng năm của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (chưa loại trừ yếu tố giá) khoảng 17%/năm.
- Đảm bảo cân đối cung cầu về năng lượng; phát triển đồng bộ hạ tầng lưới điện truyền tải đáp ứng khả năng chuyển tải công suất nguồn điện được thực hiện; trong giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo, phấn đấu hàng năm tiết kiệm tối thiểu 2,0% tổng điện năng tiêu thụ trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Lĩnh vực công nghiệp

Triển khai thực hiện có hiệu quả Phương án phát triển các ngành công nghiệp trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, mục tiêu đưa ngành công nghiệp trở thành động lực, tạo đột phá tăng trưởng kinh tế. Trong đó:

- Tập trung các nhóm dự án công nghiệp chủ lực: Mở rộng Khu phức hợp ô-tô Chu Lai - Trường Hải; phát triển công nghiệp chế biến - chế tạo theo hướng tập trung vào các ngành, lĩnh vực sản xuất có hàm lượng cao về công nghệ, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, trong đó ưu tiên các lĩnh vực sản xuất sản phẩm hướng vào xuất khẩu, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm đáp ứng nguyên liệu đầu vào, tăng tỷ trọng nội địa trong các sản phẩm công nghiệp, hướng vào phục vụ các ngành công nghiệp chủ lực và ưu tiên thúc đẩy phát triển công nghiệp đi vào chiều sâu, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp, đảm bảo tính chủ động của nền kinh tế, tăng sức cạnh tranh, tạo điều kiện mở rộng khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các ngành công nghiệp. Tăng cường kết nối giữa các nhà cung cấp trong nước với các tập đoàn đa quốc gia đầu tư vào Việt Nam nhằm tăng cường khả năng tham gia mạng lưới sản xuất trong nước và toàn cầu của các doanh nghiệp nội địa.

- Phát triển các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn, gồm: công nghệ vi điện tử, cơ khí chính xác, cơ - điện tử, quang - điện tử và tự động hóa; công nghệ môi trường, công nghệ năng lượng mới; công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano,...

- Phát triển hệ thống hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu tăng tốc phát triển công nghiệp của tỉnh, nhất là các lĩnh vực công nghiệp mũi nhọn và các lĩnh vực khuyến khích phát triển, đáp ứng nhu cầu mặt bằng sản xuất của doanh nghiệp.

- Tập trung xây dựng triển khai các đề án phát triển công nghiệp: Đề án hình thành và phát triển Trung tâm công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ Silica trên địa bàn tỉnh Quảng Nam nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp silica, Đề án thí điểm cơ chế khuyến khích hợp tác liên kết sản xuất theo cụm ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp cơ khí tại Khu kinh tế mở Chu Lai, thúc đẩy hình thành cụm ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp cơ khí. Cơ cấu các khu, cụm công nghiệp theo hướng bền vững, sinh thái gắn với hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp, các mạng sản xuất, chuỗi giá trị công nghiệp có tính đến lợi thế so sánh của địa phương theo hướng tăng cường hỗ trợ và kết nối các chuỗi cung ứng nhằm thúc đẩy sự hội nhập vào các chuỗi giá trị toàn cầu hiệu quả hơn

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040”. Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 2604/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh thực hiện đề án “Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030, Kế hoạch số 4909/KH-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh thực hiện Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam nhằm thúc đẩy phát triển các ngành này.

- Hình thành và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp công nghiệp nội địa, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghiệp quy mô lớn trong các ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới, đóng vai trò dẫn dắt phát triển ngành. Nâng cao khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ. Tăng cường kết nối kinh doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với các doanh nghiệp lớn, đa quốc gia.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương. Tăng cường các hoạt động khuyến công, tạo động lực mới thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, góp phần xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; tập trung hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tăng cường hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; thúc đẩy các hoạt động tư vấn phát triển công nghiệp nông thôn; phát huy vai trò và nâng cao năng lực thực hiện của tổ chức khuyến công; nâng cao vai trò và khuyến khích các địa phương đầu tư các nguồn lực để triển khai các chính sách, chương trình và hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp trên cơ sở căn cứ các quy định của pháp luật và bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; triển

khai di dời các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp ô nhiễm, nguy cơ ô nhiễm môi trường tại khu vực ven biển và đề xuất thành lập cụm công nghiệp di dời trên địa bàn tỉnh; đầu tư khu xử lý nước thải cho các CCN tại các địa phương và đề xuất mỗi địa phương một khu xử lý nước thải/cụm công nghiệp.

2. Phát triển năng lượng

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghiên cứu, phát triển các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo phù hợp với Nghị quyết số 55-NQ/TW, Quyết định số 500/QĐ-TTg, Quyết định số 893/QĐ-TTg và Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch điện VIII.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật Phương án phát triển mạng lưới cấp điện cập nhật trong quy hoạch tỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về môi trường và nhu cầu phát triển KT-XH của tỉnh.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường; tiếp tục thực hiện Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020 - 2025, trong đó, đặt chỉ tiêu tiết kiệm 2% tổng sản lượng điện tiêu thụ.

- Yêu cầu sử dụng thiết bị, công nghệ, hệ thống quản lý vận hành thông minh, tiên tiến trong các dự án nhà máy điện, hệ thống lưới truyền tải điện, đơn vị sử dụng điện; giảm thiểu tối đa thời gian mất điện, giảm số lượng khách hàng mất điện khi có sự cố, đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định cho các phụ tải, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện trên địa bàn toàn tỉnh; đảm bảo việc tổn thất điện năng trong quá trình truyền tải điện theo thời gian.

3. Phát triển thị trường trong nước

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển thương mại, du lịch tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đối với lĩnh vực thương mại. Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 7501/KH-UBND ngày 23/10/2021 của UBND tỉnh về phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Phấn đấu đến năm 2030, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (chưa loại trừ yếu tố giá) tăng bình quân hàng năm khoảng 17%/năm.

- Phát triển thị trường trong tỉnh kết nối liền mạch với thị trường trong nước và thị trường xuất nhập khẩu nhằm đảm bảo không gian thị trường cho các ngành sản xuất phát triển bền vững trên cơ sở mở rộng tiêu dùng nội địa gắn với

phát triển thương hiệu hàng Việt Nam. Ưu tiên phát triển các mô hình kinh tế tiêu dùng mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế đêm, kinh tế du lịch, kinh tế xanh, kinh tế số, thương mại điện tử... Phân đầu đến năm 2030, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng khoảng 236.000 tỷ đồng.

- Xây dựng và phát triển hạ tầng thương mại trong tỉnh đồng bộ, hiện đại và bền vững, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của thị trường trên từng địa bàn, trong từng giai đoạn, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa và hỗ trợ xuất khẩu; tập trung ưu tiên các loại hình hạ tầng thương mại có tính lan tỏa, có tác động đáng kể hỗ trợ sản xuất lưu thông. Đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng thương mại khu vực nông thôn, quan tâm phát triển kết cấu hạ tầng thương mại thiết yếu vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Kế hoạch số 6217/KH-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh. Tập trung hình thành được một hệ thống trung tâm logistics cơ bản hoàn chỉnh, có tính liên kết cao.

- Phát triển đa dạng các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại, bảo đảm hoạt động thương mại phát triển lành mạnh, văn minh và bền vững. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, nhãn mác, bao bì sản phẩm; truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; nâng cao chất lượng, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa đáp ứng tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Xây dựng hệ thống dịch vụ phân phối hàng hóa, cung ứng theo chuỗi, liên kết chặt chẽ trong quá trình kinh doanh nhằm đảm bảo ổn định cung cầu, giá cả hàng hóa và nguồn gốc xuất xứ. Rà soát, hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh. Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát triển thương mại điện tử thành một kênh phân phối quan trọng, hỗ trợ tích cực trong tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa nông sản, hàng công nghiệp tiêu dùng. Tiếp tục hoàn thiện và phát triển các trang thương mại điện tử của tỉnh (<https://sanpham.quangnam.gov.vn/>); kết nối các sàn trong nước và quốc tế. Phân đầu đến năm 2030, dân số tham gia mua sắm trực tuyến đạt 75%, thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử đạt 70%.

- Thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật về phòng vệ thương mại, quản lý cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng phù hợp với cam kết quốc tế. Tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng quản lý thị trường trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh chuyển đổi số công tác quản lý thị trường. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng, các Hiệp hội để công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả đạt hiệu quả cao nhất.

4. Lĩnh vực xuất nhập khẩu

- Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 28/03/2022 của UBND tỉnh về Chương trình đẩy mạnh xuất khẩu đối với các sản phẩm có khả năng cao của Quảng Nam giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số

1872/KH-UBND ngày 31/3/2023 về Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Nam đến năm 2030.

- Tập trung ưu tiên phát triển xuất khẩu các mặt hàng có quy mô xuất khẩu lớn, lợi thế cạnh tranh cao (dệt may, da giày, chế biến nông lâm thủy hải sản, nông sản, đồ gỗ, điện tử,..) gắn với đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu. Gia tăng tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng chế biến sâu, công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, tỷ lệ nội địa hoá lớn, đáp ứng tiêu chuẩn cao về chất lượng và phát triển bền vững của các thị trường. Giảm dần xuất khẩu đối với khoáng sản thô.

- Tăng cường đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để không phụ thuộc quá lớn vào một số thị trường và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực từ các cuộc xung đột thương mại. Chú trọng phát triển xuất khẩu qua thương mại điện tử, hệ thống phân phối nước ngoài. Thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng có hàm lượng công nghệ cao, sản xuất chế tạo và chế biến có giá trị gia tăng cao, các loại hàng hóa xanh và tuần hoàn, thân thiện môi trường và khí hậu... nhằm khai thác tốt lợi thế về thuế tại các thị trường Việt Nam đã ký các hiệp định thương mại tự do, trong đó có các hiệp định quan trọng như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)...

- Kiểm soát có hiệu quả gian lận thương mại và nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của doanh nghiệp phù hợp với các cam kết quốc tế. Ưu tiên nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư đầu vào được tạo ra từ công nghệ cao, công nghệ tiên tiến mà trong nước chưa sản xuất được. Chú trọng nhập khẩu từ Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ các công nghệ tiên tiến gắn với việc chuyển giao công nghệ, bí quyết kỹ thuật công nghệ.

5. Hội nhập kinh tế quốc tế

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 6754/KH-UBND ngày 04/10/2023 về thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; các Quyết định và Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai các Hiệp định thương mại tự do trên địa bàn tỉnh nhằm khai thác có hiệu quả các FTA đã ký kết, tận dụng các ưu đãi từ các Hiệp định, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế gắn với giữ vững ổn định chính trị - xã hội; khai thác hiệu quả lợi thế của tỉnh nhằm tận dụng những cơ hội và giảm thiểu các thách thức, tác động tiêu cực trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Thực hiện hội nhập kinh tế có trọng tâm, trọng điểm theo hướng ưu tiên hợp tác quốc tế chuyển giao công nghệ hiện đại, công nghệ xanh, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, các ngành, lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam và của tỉnh như công nghiệp năng lượng, chế biến sâu nông – lâm thủy sản, công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường...

- Kết hợp hài hòa giữa hội nhập bên ngoài với đẩy mạnh hội nhập bên trong theo hướng tập trung thực thi các cam kết trong hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm cải cách nền kinh tế theo hướng thị trường đầy đủ gắn với nâng cao năng lực hội nhập cho các ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp để khai thác một cách hiệu quả các lợi ích từ hội nhập kinh tế quốc tế.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thường xuyên cập nhật, triển khai thực hiện nghiêm túc các thể chế, chính sách và môi trường kinh doanh trong thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và số hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của ngành Công Thương đảm bảo thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp và người dân. Đảm bảo phù hợp với bối cảnh mới và các cam kết quốc tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo lập môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao.

a) Trong lĩnh vực công nghiệp, năng lượng

- Cập nhật, thực thi hệ thống pháp luật về thể chế hóa chủ trương của Đảng, làm cơ sở để thúc đẩy hoạt động phát triển công nghiệp địa phương, thực thi có hiệu quả công tác điều phối, phân cấp giữa các địa phương trong phát triển công nghiệp.

- Tập trung đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên và bố trí nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực về đầu tư để phát triển có trọng tâm, trọng điểm các ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp ưu tiên trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Phương án phát triển công nghiệp trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, trong quá trình tổ chức thực hiện, rà soát những nội dung để đề xuất cơ chế, chính sách nhằm triển khai thực hiện hoặc điều chỉnh, thay đổi, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm đạt được các mục tiêu đề ra, sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế quản lý cụm công nghiệp tại các địa phương và các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển cụm công nghiệp theo hướng khuyến khích doanh nghiệp làm chủ hạ tầng cụm công nghiệp, tăng cường xã hội hóa trong đầu tư phát triển cụm công nghiệp và xử lý tốt các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu của các cụm công nghiệp.

- Tăng cường sự thống nhất trong chỉ đạo, đồng bộ trong thực hiện giữa các ngành, địa phương trong việc phát triển các nguồn năng lượng đảm bảo cho sự phát triển Quảng Nam giai đoạn 2020-2025 và tiếp theo. Tập trung và huy động mọi nguồn lực có thể trong đầu tư phát triển ngành năng lượng phù hợp, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh và hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, bảo đảm an ninh năng lượng. Khuyến khích tiêu thụ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, nhất là trong công nghiệp và giao thông.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, ngành và sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách điều hành giá các mặt hàng năng lượng (điện, xăng dầu) trong nước.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành năng lượng, số hóa các hoạt động tiếp cận năng lượng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng, các hoạt động quản lý, vận hành hệ thống năng lượng.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai. Tiếp tục triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, tập trung rà soát, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc của các dự án đầu tư đang triển khai, đảm bảo các dự án đi vào hoạt động đúng tiến độ; đẩy nhanh tiến độ xem xét, giải quyết hồ sơ, khắc phục tình trạng chậm trễ, tồn đọng hồ sơ, thủ tục.

- Hạn chế cấp phép khai thác các khu vực có khoáng sản than đá trên địa bàn tỉnh. Duy trì việc khai thác than mức độ vừa phải để đáp ứng nhu cầu hiện tại về năng lượng của tỉnh để phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội. Trữ lượng than tỉnh Quảng Nam còn lại chưa được cấp phép khai thác cần được ưu tiên bảo vệ, quy hoạch dự trữ, thăm dò khai thác cho những chu kỳ quy hoạch trong tương lai.

- Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của UBND cấp huyện trong công tác hướng dẫn, theo dõi, quản lý, giám sát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư tại địa phương; trong đó yêu cầu định kỳ hằng quý, 06 tháng và hằng năm, UBND cấp huyện phải có báo cáo giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, kịp thời đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án hoặc kiến nghị xử lý với các dự án vi phạm tiến độ, vi phạm quy định của pháp luật. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các huyện, thị xã, thành phố trong việc theo dõi, kiểm tra, xử lý các sai phạm của các nhà đầu tư.

- Đối với ngành điện: Triển khai thực hiện tốt cơ chế điều hành thực hiện các dự án điện, các chính sách về phát triển các dự án điện năng lượng tái tạo tại Việt Nam, các quy định, quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng và phát triển các dự án điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN), đặc biệt các dự án ĐMTMN có công suất từ 100kWp trở lên phải lắp đặt hệ thống giám sát, điều khiển từ xa, kết nối với hệ thống điều độ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam để các chủ đầu tư phối hợp vận hành hệ thống điện; Triển khai thực hiện tốt các quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, khung giá phát điện, công tác giao nhận tài sản các công trình điện.

b) Phát triển thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, hội nhập kinh tế quốc tế

- Cập nhật, triển khai thực hiện tốt các chính sách và pháp luật khuyến khích phát triển thị trường đối với các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế đêm, kinh tế du lịch, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số,... để kích

cầu, mở rộng quy mô thị trường trong nước; chính sách hỗ trợ kết nối sản xuất với thị trường; cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các trung tâm mua sắm và tiêu dùng lớn, đa năng phục vụ khách hàng trong khu vực và thế giới; khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển thương mại điện tử; các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực xây dựng nền tảng công nghệ số cho thương mại điện tử và phát triển các dịch vụ hạ tầng logistic phục vụ thương mại điện tử; chính sách và pháp luật về thương mại điện tử phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế số và cam kết trong các FTA; hệ thống pháp luật về quản lý thị trường; các quy định pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; các quy định về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; khung khổ pháp luật về phòng vệ thương mại.

- Tập trung thu hút, kêu gọi đầu tư phát triển một số loại hình hạ tầng thương mại có tính chất trọng tâm, trọng điểm như hệ thống chợ đầu mối gắn với các trung tâm logistics. Khuyến khích đầu tư phát triển và hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thương mại tại các vùng sâu, vùng xa. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã thương mại, hộ kinh doanh đổi mới phương thức hoạt động theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

- Xây dựng trung tâm logistics để tạo động lực phát triển các chuỗi cung ứng của tỉnh nhà. Hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp logistics trong nước.

- Hỗ trợ, khuyến khích việc ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng. Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và bán hàng đa cấp.

Cập nhật, triển khai thực hiện tốt khung chính sách, pháp luật về xuất nhập khẩu; chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi và đơn giản hóa các thủ tục hải quan, chính sách, khung khổ pháp lý tạo thuận lợi cho xuất nhập khẩu qua các nền tảng số gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu phù hợp với thông lệ quốc tế và yêu cầu quản lý của Việt Nam; các quy định, tiêu chuẩn về quản lý hàng hóa nhập khẩu; cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển hệ thống trung tâm logistics hoàn chỉnh, có tính liên kết cao. Tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hỗ trợ kết nối giữa các doanh nghiệp xuất khẩu với các tập đoàn phân phối quốc tế. Đổi mới phương thức xúc tiến thương mại thông qua đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, phát triển thương hiệu. Xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình về xúc tiến nhập khẩu nhằm tạo thuận lợi cho việc đa dạng hóa thị trường và mặt hàng nhập khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nhà cung ứng, các thị trường, các mặt hàng nhập khẩu, đặc biệt là nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư đầu vào được tạo ra từ các ngành có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong nước chưa sản xuất được; nguyên vật liệu và máy móc phục vụ sản xuất trong nước.

- Tăng cường hỗ trợ nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định của thị trường xuất khẩu, đáp ứng các quy tắc nguồn gốc xuất xứ để tận dụng có hiệu quả các

FTA đã ký kết gắn với nâng cao năng lực cho các tổ chức chứng nhận sản phẩm đạt chuẩn mực quốc tế và được quốc tế thừa nhận. Hỗ trợ doanh nghiệp chủ động ứng phó và xử lý có hiệu quả các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thị trường, mặt hàng và hỗ trợ kết nối xúc tiến xuất khẩu cho các doanh nghiệp.

- Thực thi có hiệu quả các công cụ quản lý nhập khẩu, nhất là nhập khẩu các mặt hàng không thiết yếu, các mặt hàng trong nước đã sản xuất được, máy móc thiết bị và công nghệ lạc hậu, có khả năng làm tổn hại môi trường, tiêu hao nhiều năng lượng, nguyên liệu; Xây dựng và tổ chức triển khai các Chương trình hành động, Kế hoạch hành động thực hiện các FTA và các cam kết, hợp tác về hội nhập để tập trung triển khai thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thỏa thuận để hướng tới xuất nhập khẩu mang tính cân bằng hơn, đảm bảo thị trường ổn định, lâu dài.

2. Thực hiện huy động các nguồn lực triển khai có hiệu quả tái cơ cấu ngành Công Thương

a) Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đầu tư

- Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư công trong lĩnh vực Công Thương theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công.

- Tăng cường thu hút đầu tư từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước vào các dự án lớn, quan trọng của tỉnh, kết nối vùng và liên vùng, tạo sự liên kết, hiệu ứng lan tỏa và gia tăng động lực tăng trưởng trong các ngành, lĩnh vực then chốt như: công nghiệp chủ lực, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp môi trường, năng lượng sạch, hạ tầng thương mại, thương mại điện tử; các dự án đầu tư theo chuỗi giá trị, các cụm ngành công nghiệp chuyên môn hóa, ...

- Triển khai thực hiện, áp dụng nghiêm túc tiêu chí, điều kiện về thu hút đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư FDI vào ngành công nghiệp, năng lượng và hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn. Ưu tiên các dự án FDI có định hướng rõ ràng về sử dụng linh phụ kiện sản xuất trong nước, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực tại chỗ, có liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp trong nước, đảm bảo thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, nhất là trong phát triển ngành chế biến, chế tạo, công nghệ cao.

b) Tiếp tục đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao cho thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đổi mới mô hình tăng trưởng ngành Công Thương theo từng giai đoạn cụ thể. Ưu tiên đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, hội nhập kinh tế quốc tế,...

c) Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào các cụm liên kết hợp tác sản xuất, hình thành chuỗi giá trị. Xây dựng và triển khai các chương trình kết nối giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI, tạo điều kiện cho các

doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp đầu chuỗi và các tập đoàn đa quốc gia có chiến lược nội địa hóa. Khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài tiến hành đào tạo tại chỗ thường xuyên và liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho lực lượng lao động trong nước và tiếp thu các mô hình quản trị, phương thức kinh doanh tiên tiến.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy nhanh chuyển đổi số, đặc biệt là trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên như thương mại điện tử, cơ khí, thực phẩm, chế biến chế tạo,...; triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cải tiến công nghệ; áp dụng các mô hình quản trị, sản xuất hiện đại, bền vững, tuần hoàn và ít phát thải nhằm nâng cao năng suất, chất lượng phát triển bền vững; nâng cao khả năng đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, có trách nhiệm xã hội, lao động của các thị trường xuất khẩu cho doanh nghiệp.

- Hỗ trợ củng cố và phát triển một số tập đoàn kinh tế tư nhân có quy mô lớn có vai trò dẫn dắt ở một số ngành, lĩnh vực hoặc vùng, đủ sức cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, phân phối, thương mại điện tử... gắn với tăng cường giám sát, chống độc quyền.

3. Cải cách tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành

Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước của ngành Công Thương; kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn về lĩnh vực công thương thuộc Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh phù hợp với quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương.

- Tổ chức, cơ cấu lại các Hội thuộc quản lý ngành; đẩy mạnh công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, thực thi có hiệu quả Luật Cạnh tranh; hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện phòng vệ thương mại đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Đổi mới phương thức tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và nước ngoài; tăng cường công tác nghiên cứu, cung cấp thông tin về thương mại và đầu tư ở nước ngoài, nhất là ở các thị trường nhiều tiềm năng để mở rộng hợp tác, xuất khẩu; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển Văn phòng nghiên cứu và phát triển thị trường ở nước ngoài.

- Hoàn thiện đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có năng lực tự chủ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh việc chuyển giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Phát triển, thu hút các loại hình kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ công lĩnh vực ngành, chuyển đổi cung cấp trực tiếp dịch vụ công sang phương thức đặt hàng.

- Triển khai vận hành, kết nối liên thông cơ sở dữ liệu, gắn kết chặt chẽ ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính của ngành Công Thương từ Trung ương đến địa phương. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, số hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, đưa vào thực hiện các hình thức liên

thông trong nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước giữa các cơ quan, đơn vị. Nghiên cứu ban hành các chính sách và giải pháp hỗ trợ chuyển đổi số ngành Công Thương, đẩy mạnh triển khai Chính phủ điện tử của ngành Công Thương.

- Cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam. Tiếp tục rà soát, bãi bỏ, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, các điều kiện đầu tư kinh doanh.

4. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng toàn diện và phát triển bền vững

- Thực hiện nghiêm túc chính sách và khung pháp luật hỗ trợ thực hiện mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế cacbon thấp, sản xuất và tiêu dùng bền vững nhằm đóng góp có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hiệp quốc và cam kết của Việt Nam tại COP26.

- Thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, sử dụng tài nguyên, năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường trong ngành Công Thương. Thực hiện kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế phát thải; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng trong các ngành công nghiệp.

- Xây dựng và quy hoạch hệ thống các khu vực, nhà máy xử lý chất thải tập trung, có công nghệ cao, hiện đại và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có chức năng nhiệm vụ thực hiện đúng quy định. Khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải, nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn. Ưu tiên phát triển các khu, cụm công nghiệp sinh thái. Tăng cường tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp các giải pháp bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng huấn luyện về kỹ thuật an toàn cho người lao động. Tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất công nghiệp phát thải lớn.

- Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Điều 51 và Điều 52 Luật bảo vệ môi trường năm 2020. Lưu ý đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động: khẩn trương hoàn thành hạ tầng bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; không tiếp nhận dự án mới hoặc nâng công suất dự án đang hoạt động có phát sinh nước thải khi chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung; lắp đặt hoàn thiện hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đảm bảo đúng thời hạn quy định.

- Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, lao động, phát thải các bon thấp đối với hàng hóa xuất khẩu; phát triển xuất khẩu các sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm xanh,...; xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về các quy định, tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các thông tin về môi trường, biến đổi khí hậu, tiêu chuẩn lao động, ...

- Khuyến khích, thúc đẩy tiêu dùng xanh. Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích việc phân phối và tiêu dùng các sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm xanh, các sản phẩm các bon thấp...; đẩy mạnh phát triển hệ thống cửa hàng, siêu thị xanh, thân thiện môi trường.

5. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý ngành

- Rà soát, nâng cấp và đồng bộ hóa hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương bảo đảm phục vụ tốt cho việc theo dõi, giám sát và hoạch định chính sách phát triển ngành.

- Nâng cấp, xây dựng và đồng bộ hóa cổng thông tin và hệ thống cơ sở dữ liệu về thương mại, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do (các thông tin về thị trường, mặt hàng, doanh nghiệp, các nhà cung cấp, các nhà phân phối, các tổ chức hỗ trợ xuất khẩu, các cam kết thương mại,...); thông tin cảnh báo về các biến động thị trường xuất nhập khẩu,... phục vụ tra cứu của doanh nghiệp và cơ quan quản lý, kết nối kinh doanh cho các doanh nghiệp. Xây dựng và phổ biến các cẩm nang hướng dẫn xuất nhập khẩu theo thị trường, mặt hàng.

- Tăng cường và đa dạng hóa các hình thức đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp và các hiệp hội. Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thường niên các diễn đàn đối thoại công tư trong lĩnh vực Công Thương, tập trung vào các vấn đề trọng tâm, ưu tiên trong tái cơ cấu ngành.

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền. Tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, doanh nghiệp, các hiệp hội, tổ chức hỗ trợ công nghiệp, thương mại về tái cơ cấu ngành Công Thương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; điều phối, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Kế hoạch.

- Hướng dẫn xây dựng, phối hợp tổ chức triển khai Kế hoạch tái cơ cấu ngành Công Thương cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm theo bộ tiêu chí được ban hành kèm theo Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch khi cần thiết.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các Sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành và địa phương xúc tiến đầu tư các dự án đáp ứng các tiêu chí về kinh tế tuần hoàn sau khi Trung ương ban hành các tiêu chí về kinh tế tuần hoàn.

- Chủ trì tham mưu tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ ngân sách nhà nước cho các Sở, ngành, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan thực hiện kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương bố trí, huy động nguồn vốn đầu tư cho việc thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch hằng năm trên cơ sở đề nghị của Sở Công Thương và các đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng ngân sách.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các Sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động quản lý về công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, xuất xứ hàng hoá; chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất và đời sống.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp với Sở Tài chính bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hằng năm cho triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện nâng cấp và đồng bộ hóa công nghệ thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương bảo đảm phục vụ tốt cho việc theo dõi, giám sát và hoạch định chính sách phát triển ngành.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật; phát triển thị trường cho các sản phẩm của ngành nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục: Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn đến 2030.

9. Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp Quảng Nam

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tăng cường xúc tiến đầu tư phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp; tổ chức quản lý chặt chẽ về đất đai, quy hoạch, hạ tầng và lao động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp; Hỗ trợ các doanh nghiệp trong khu kinh tế, khu công nghiệp liên kết, hợp tác thực hiện cộng sinh công nghiệp, hình thành các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp hỗ trợ, khu, cụm liên kết ngành.

10. Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

11. Các Sở, ngành khác, các hiệp hội

Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phối hợp, hỗ trợ Sở Công Thương và các Sở, ngành thực hiện các nhiệm vụ có liên quan thuộc Kế hoạch.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chỉ đạo thực hiện: Xây dựng các Chương trình, Đề án, Kế hoạch tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn; bố trí nguồn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện. Phối hợp với Sở Công Thương, các Sở, ngành liên quan trong tổ chức triển khai các nội dung có liên quan của Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch tái cơ cấu ngành Công Thương tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030. UBND tỉnh yêu cầu các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Hàng năm, các đơn vị báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch về Sở Công Thương trước ngày 15/10. Giao Sở Công Thương tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Công Thương. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc những vấn đề mới, phát sinh cần bổ sung, điều chỉnh, các đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Công Thương) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục I

BỘ TIÊU CHÍ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VỀ TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG NAM GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số #sovb/KH-UBND ngày #nbh/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030
I	Về phát triển công nghiệp: 02 chỉ tiêu		
1	Tỷ trọng công nghiệp trong GRDP	%	28,7
2	Tỷ trọng công nghiệp chế biến chế tạo trong GRDP	%	25
II	Về phát triển năng lượng: 02 chỉ tiêu		
1	Tổng công suất của các dự án năng lượng tái tạo	MW	2.000
2	Tỷ lệ tiết kiệm điện trên tổng mức tiêu thụ năng lượng	%	7
III	Về phát triển xuất nhập khẩu: 01 chỉ tiêu		
1	Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân	%/năm	14-15
IV	Về phát triển thị trường trong nước: 01 chỉ tiêu		
1	Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân (chưa loại trừ yếu tố giá)	%/năm	17

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số #sovb/KH-UBND ngày #nbh /6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cơ quan ban hành
1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Sở Công Thương	Các địa phương, cơ quan liên quan	2024-2025	UBND tỉnh
2	Đề án Hình thành Trung tâm công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ silica trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Các địa phương, cơ quan liên quan	2023-2024	Thủ tướng Chính phủ
3	Đề án thí điểm Cơ chế khuyến khích hợp tác liên kết sản xuất theo cụm ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp cơ khí tại Khu kinh tế mở Chu Lai	Sở Công Thương	Các địa phương, cơ quan liên quan	Theo chỉ đạo của Chính phủ	Thủ tướng Chính phủ
4	Khảo sát đánh giá thực tế xây dựng chương trình hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng cụm công nghiệp tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	2025	UBND tỉnh
5	Triển khai Kế hoạch số 7501/KH-UBND ngày 23/10/2021 của UBND tỉnh về phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	Hàng năm	UBND tỉnh
6	Xây dựng danh mục dự án hạ tầng thương mại dịch vụ đến 2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	2024	UBND tỉnh
7	Tổ chức hội thảo, tập huấn tăng cường phổ biến kiến thức cho doanh nghiệp về hội nhập kinh tế quốc tế, Hiệp định thương mại tự do, các quy định về xuất nhập khẩu hàng hóa.	Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	2024	UBND tỉnh
8	Xây dựng, triển khai đề án xuất khẩu hàng nông, thủy sản tỉnh Quảng Nam đến năm 2030.	Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	2024	UBND tỉnh
9	Xây dựng, triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2026 - 2030	Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	2025-2026	UBND tỉnh

10	Xây dựng, triển khai Kế hoạch XTTM tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2026 - 2030	Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	2026	UBND tỉnh
11	Xây dựng, triển khai Kế hoạch hỗ trợ, bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý ở ngoài nước đối với sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của tỉnh Quảng Nam	Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	2024-2025	UBND tỉnh
12	Xây dựng danh mục các Trung tâm, điểm bán sản phẩm OCOP, điểm bán hàng Việt trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	Hàng năm	UBND tỉnh
13	Xây dựng dự án đầu tư 01 Chợ đầu mối	Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	2027-2028	UBND tỉnh
14	Kêu gọi đầu tư hình thành dự án Trung tâm Hội chợ triển lãm	Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	2026-2027	UBND tỉnh
15	Xây dựng, triển khai kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản trong lĩnh vực nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan liên quan	2024-2025	UBND tỉnh
16	Chỉ đạo, giám sát các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn triển khai thực hiện tốt các chương trình, chính sách tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tiếp cận vốn tín dụng đầu tư vào một số lĩnh vực như: công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp nền tảng, các dự án đầu tư theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh. Kịp thời tháo gỡ, xử lý hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm chính sách phù hợp với thực tiễn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	Các cơ quan liên quan	Hàng năm	UBND tỉnh
17	Báo cáo rà soát, sửa đổi, bổ sung đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh phù hợp với thực tiễn, đồng thời đảm bảo theo các quy định hiện hành có liên quan	Sở Tài chính	Các cơ quan liên quan	2024 - 2025	UBND tỉnh